TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Đ** - Sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn P I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Hà Văn V** - Sinh năm 1986.

Trú tại: Thôn BP, xã Th, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị Đ và anh Hà Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Đ và anh Hà Văn V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trương Thị Đ và anh Hà Văn V có 01 con chung tên là Hà Thị Khánh H, sinh ngày 26/6/2014, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị Chị Trương Thị Đ và anh Hà Văn V thoả thuận giao con chung cho chị Trương Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị Đ và anh Hà Văn V thỏa thuận: anh Hà Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 500.000[đ] *(Năm trăm nghìn đồng)/* tháng kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Anh Hà Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000[đ] *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và phải chịu 150.000[đ] *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000[đ] *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03642 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + BBGN; 1;
- VKSND huyện B; 2;
- THADS H. B; 1;
- UBND xã Th;
(Nơi đăng ký kết hôn) 1;
- Các đương sự; 2;
- Lưu HS, VT. 2.

THẨM PHÁN

Đã ký

Hoàng Anh Tuấn